

Bản án số: 53/2026/HNGĐ- ST
Ngày: 13/7/2026
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Hạnh;
2/ Bà Bùi Thị Cẩm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Phương Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 13/7/2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2026/TLST- HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2026/QĐXXST - HNGĐ, ngày 08/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2026/QĐST - HNGĐ, ngày 01/7/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1995.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố E (nay là TDP P), phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

(Nguyên đơn có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2026 và các lời khai tại Tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Ngày 17/4/2019 chị và anh Nguyễn Thanh T1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi). Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn. Sau đó, giữa chị và anh Nguyễn Thanh T1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không có tiếng nói chung, không thể thống nhất được mọi vấn đề trong cuộc sống. Anh chị đã rất nhiều lần tự hòa giải, cố gắng khắc phục để tiếp tục chung sống nhưng vẫn không thành. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đòi

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh Nguyễn Thanh T1 có 01 con chung Nguyễn Phạm Khánh H, sinh ngày 25/4/2018, hiện nay con đang ở với anh T1; khi ly hôn chị T yêu cầu giao con cho anh T1 nuôi và chị tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đồng; trường hợp anh T1 không có ý kiến về phần nuôi con thì chị yêu cầu Tòa án giao con Nguyễn Phạm Khánh H cho chị trực tiếp nuôi và chị không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T1: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T1 nhưng anh T1 không đến Tòa, không trình bày ý kiến.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy định của pháp luật; riêng bị đơn thực hiện không đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị HĐXX cho chị T được ly hôn anh T1; về con chung: Giao con Nguyễn Phạm Khánh H, sinh ngày 25/4/2018 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng; chị T tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đồng, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng tính từ ngày 13/7/2026; về tài sản chung, nợ chung: Không có. Ngoài ra, đương sự còn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Thanh T1; cư trú tại: Tổ dân phố E (nay là tổ dân phố P), phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn là anh Nguyễn Thanh T1 các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 175 và Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù, anh T1 biết Tòa án đang

giải quyết vụ án ly hôn mà anh là bị đơn nhưng anh vắng mặt và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh. Anh T1 phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được đề bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Thanh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Nguyễn Thanh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ (nay là phường Đ) vào năm 2019. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Chị T cho rằng, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho anh chị do bất đồng quan điểm, giữa anh chị không có tiếng nói chung, thực tế anh chị không còn chung sống với nhau. Chị T yêu cầu ly hôn nhưng anh T1 không đến Tòa và không có ý kiến gì, có ý bỏ mặc. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh chị đã trở nên trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị T, anh T1 có một con chung Nguyễn Phạm Khánh H, sinh ngày 25/4/2018, con đang ở với anh T1, khi ly hôn chị T yêu cầu giao con cho anh T1 trực tiếp nuôi và chị tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đồng; trường hợp anh T1 không nuôi con thì chị T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng cho con. HĐXX xét thấy: Anh T1 đang nuôi con, mặc dù anh T1 không có ý kiến về phần nuôi con nhưng tại biên bản làm việc ngày 12/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi với bà Phạm Thị Kim H1 (mẹ của anh T1); bà H1 có ý kiến: *“Hiện nay cháu Nguyễn Phạm Khánh H, sinh ngày 25/4/2018 đang sống cùng cha và ông bà nội tại 46 Đ, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi ổn định, hoàn toàn khỏe mạnh và đang học lớp 2 trường tiểu học N”*; chị T cũng có ý kiến đồng ý giao con cho anh T1 nuôi. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần giao con Nguyễn Phạm Khánh H, sinh ngày 25/4/2018 cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng là hợp pháp và hợp lý.

Về cấp dưỡng cho con: Ghi nhận ý kiến tự nguyện cấp dưỡng cho con Nguyễn Phạm Khánh H, sinh ngày 25/4/2018 mỗi tháng 2.000.000đồng của chị Nguyễn Thị Cẩm T; theo đó, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Nguyễn Phạm Khánh H mỗi tháng 2.000.000đồng; thời gian thực hiện việc cấp dưỡng tính từ ngày 13/7/2026 (ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con cũng phải chịu án phí không có giá ngạch nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 300.000đồng và 300.000đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nhưng chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000570, ngày 05/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi nên được khấu trừ, chị T còn phải tiếp tục chịu số tiền án phí 300.000đồng.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 177, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn anh Nguyễn Thanh T1.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Phạm Khánh H, sinh ngày 25/4/2018 cho anh Nguyễn Thanh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Nguyễn Phạm Khánh H mỗi tháng 2.000.000đồng (*Hai triệu đồng*). Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng tính từ ngày 13/7/2026 (ngày xét xử sơ thẩm) đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nhưng chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền

300.000đồng (do Nguyễn Thị Kim T2 nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000570, ngày 05/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi nên được khấu trừ; chị T còn phải tiếp tục chịu số tiền án phí 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*)

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Q;
- VKSND khu vực 6 – Quảng Ngãi;
- UBND phường Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích V

